

Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh đại dịch Covid 19: Tác động và vấn đề

Phạm Đỗ Nhật Tiến

Học viện Quản lý Giáo dục
31 Phan Đình Giót, Thanh Xuân,
Hà Nội, Việt Nam
Email: phamdntien26@gmail.com

TÓM TẮT: Đại dịch Covid-19 đã và đang làm thay đổi căn bản bức tranh giáo dục đại học toàn cầu. Giáo dục trực tuyến được phần lớn các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới vận dụng như một giải pháp tình thế để việc học không bị đứt quãng nhưng lại mở ra cơ hội để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Điều đó kéo theo những yêu cầu về các điều chỉnh cần thiết trong bảo đảm và kiểm định chất lượng. Việt Nam không là ngoại lệ dù rằng tác động tiêu cực của Covid-19 lên giáo dục đại học Việt Nam được giảm thiểu rất nhiều so với thế giới. Trên cơ sở phân tích tổng quan tác động của đại dịch lên giáo dục đại học và hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng, bài viết đề xuất việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi số quốc gia trong giáo dục đại học và khung bảo đảm và kiểm định chất lượng quốc gia để làm cơ sở cho việc hiện thực hóa định hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam.

TỪ KHÓA: Covid-19; giáo dục trực tuyến; chuyển đổi số; giáo dục đại học; bảo đảm và kiểm định chất lượng.

→ Nhận bài 05/10/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 29/10/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 không còn là một cuộc khủng hoảng y tế. Nó đã là một cuộc khủng hoảng toàn cầu về kinh tế và xã hội, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của mọi quốc gia và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của mọi người theo cách này hoặc cách khác. Mọi hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội đều bị chao đảo và đứng trước những thách thức mà nhân loại chưa từng trải qua. Các mục tiêu phát triển bền vững SDG mà thế giới đã hào hứng thông qua vào năm 2015 và đang trên đường thực hiện, giờ đây đang đối diện với hàng loạt vấn đề mới nảy sinh. Báo cáo mới đây của Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên Hiệp quốc [1] đã chỉ ra những khúc mắc và rào cản đang hiện diện trong từng SDG. Riêng đối với SDG về phát triển giáo dục (GD), nguy cơ hiện hữu là tình trạng đóng cửa không biết đến bao giờ của rất nhiều nhà trường trên toàn thế giới, trong khi đó việc chuyển sang GD từ xa, GD trực tuyến cũng đang đối diện nhiều thách thức.

Riêng trong lĩnh vực GD đại học (GDĐH), một báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho biết, tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2020, các cơ sở GDĐH của 175 nước phải đóng cửa và hơn 220 triệu sinh viên (SV) toàn thế giới phải ngừng học hoặc bỏ học vì đại dịch Covid-19 [2]. Đó là một tình thế hoàn toàn ngoài sức tưởng tượng và ít có chính phủ nào lường trước được tình thế này để có kế hoạch phản ứng nhanh nhằm đối phó với những tác động nảy sinh từ việc SV ngừng học, giảng viên ngừng dạy, nhà trường ngừng hoạt động và nhiều khoản thu không còn nữa. Một trạng thái bình thường mới cũng đã được thiết lập, trong đó mọi người bắt đầu học cách nghĩ khác,

học khác, họp khác, sống khác, giao tiếp khác và làm việc khác. Trong bối cảnh của những cái khác đó, một trong những quan tâm hàng đầu là *làm thế nào để chất lượng vẫn được bảo đảm*.

Bài viết này muốn tìm câu trả lời cho hai câu hỏi sau đây để vận dụng vào bước chuyển của GDĐH Việt Nam giai đoạn hậu Covid: 1/ Đại dịch Covid-19 đã thực sự tác động lên GDĐH như thế nào? 2/ Phải điều chỉnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng (BĐ&KĐCL) GDĐH như thế nào để chất lượng hiểu theo nghĩa là sự phù hợp với mục tiêu, vẫn được bảo đảm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những tác động của Covid-19 lên giáo dục đại học toàn cầu

2.1.1. Tác động ngắn hạn lên giáo dục đại học

Đã có nhiều nghiên cứu về các tác động đa chiều của Covid-19 lên GDĐH trong phạm vi quốc gia và khu vực. Xét trên phạm vi toàn cầu thì Hiệp hội Quốc tế các Đại học IAU đã và đang triển khai một dự án với ba giai đoạn: Giai đoạn 1 vào tháng 3 và 4 năm 2020, nhằm khảo sát tác động ngắn hạn toàn cầu của Covid-19 lên GDĐH; Giai đoạn 2 vào tháng 10 năm 2020, nhằm khảo sát tác động trung hạn trong bối cảnh khai giảng năm học mới; Giai đoạn 3 dự kiến trong năm 2021, nhằm khảo sát tác động dài hạn khi đại dịch chấm dứt.

Hiện nay, cuộc khảo sát giai đoạn 1 đã kết thúc. Mẫu khảo sát gồm 424 cơ sở GDĐH thuộc 109 quốc gia và vùng lãnh thổ, đại diện cho 4 khu vực là Châu Phi, Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Á - Thái Bình Dương. Kết quả khảo sát cho thấy bức tranh tác động như sau [3]:

- Hầu hết cơ sở GDĐH đều chịu tác động của Covid-19, trong đó 59% bị tác động đến mức phải đóng cửa hoàn toàn, mọi hoạt động phải dừng lại. Tỷ lệ này ở Châu Phi lên đến 77%.

- Hầu hết mọi cơ sở GDĐH đều có sẵn hạ tầng cơ sở để thông báo với SV và giảng viên về Covid-19. Tuy nhiên, thách thức là ở chỗ chưa bảo đảm được dòng thông tin rõ ràng và hiệu quả để giao tiếp với giảng viên và SV.

- Khoảng 80% người được hỏi tin rằng, Covid-19 sẽ làm giảm số SV nhập học trong năm học tới và điều đó sẽ tác động tiêu cực lên tài chính nhà trường.

- Hầu hết cơ sở GDĐH thống nhất rằng, Covid-19 ảnh hưởng đến việc dạy và học, trong đó hai phần ba cơ sở GDĐH cho biết dạy và học trên lớp đã được thay thế bằng dạy và học từ xa.

- Hầu hết các cơ sở GDĐH (89%) cho rằng, Covid-19 tác động tiêu cực lên sự lưu chuyển của SV quốc tế. Tuy nhiên, các cơ sở GDĐH đều có kế hoạch dự phòng để giảm thiểu tác động này. Thay vì các lưu chuyển thực, 60% cơ sở GDĐH chuyển sang phương án lưu chuyển ảo với việc tổ chức học trực tuyến theo nhóm (collaborative online learning).

- Về việc tổ chức thi kết thúc học kì, chỉ có khoảng trên 50% cơ sở GDĐH dự kiến tổ chức theo kế hoạch. Riêng ở Châu Phi, 61% cơ sở GDĐH cho rằng, sẽ hoãn hoặc hủy việc tổ chức thi cuối học kì.

- Về nghiên cứu khoa học, 83% cơ sở GDĐH phải hủy bỏ các chuyến bay quốc tế, 81% phải hủy hoặc hoãn các hội nghị khoa học, 52% khó hoàn thành các dự án nghiên cứu, 21% dừng mọi hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Về phục vụ cộng đồng, khoảng 50% cơ sở GDĐH cho rằng, Covid-19 có tác động tích cực làm tăng vai trò phục vụ cộng đồng, trong khi đó khoảng 30% cơ sở GDĐH lại cho rằng, sự tham gia của nhà trường trong phục vụ cộng đồng giảm sút.

- Khoảng 48% cơ sở GDĐH cho biết, chính phủ/bộ QLNN về GDĐH sẽ hỗ trợ nhà trường để giảm thiểu sự gián đoạn mà Covid-19 gây ra. Sự hỗ trợ tập trung chủ yếu vào việc kết thúc năm học (69%). Chỉ có 31% cơ sở GDĐH nhận được hướng dẫn khắc phục tình trạng đứt quãng về chương trình học; 13% nhận được hỗ trợ tài chính do nguồn thu giảm sút.

2.1.2. Chuyển từ giáo dục trực tiếp sang trực tuyến: Cơ hội và thách thức

Tác động của đại dịch lên dạy và học xét trên phạm vi toàn cầu và từng khu vực được trình bày trong bảng dưới đây (xem Bảng 1).

Như vậy, dù rằng xu thế chung là chuyển sang dạy và học trực tuyến nhưng cách đáp ứng cụ thể của các cơ sở GDĐH không như nhau. Trong khi 2/3 cơ sở GDĐH chuyển được ngay sang trực tuyến thì vẫn còn 1/3 đang tìm cách để chuyển. Điều đáng quan tâm là có 7% số cơ sở GDĐH chấm dứt việc dạy và học, trong đó tập trung chủ yếu ở Châu Phi do hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều bất cập.

Tình trạng trên có liên quan đến 04 thách thức cơ bản sau đây: 1/ Không phải các cơ sở GDĐH đã có hạ tầng kỹ thuật sẵn sàng cho GD trực tuyến; 2/ Không phải tất cả SV đều có điều kiện và khả năng tiếp cận internet tại nhà; 3/ Giảng viên chưa được trang bị các năng lực ICT và năng lực sư phạm cần thiết cho GD trực tuyến; 4/ Có những ngành đào tạo như Y học, những ngành đòi hỏi thí nghiệm trong labo, những ngành cần sự chỉ dẫn trực tiếp như mỹ thuật, âm nhạc không thể từ bỏ cách dạy truyền thống.

Những thách thức trên giải đáp vì sao có sự khác biệt của các cơ sở GDĐH trong việc ứng phó với yêu cầu giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19 gây ra. Tuy nhiên, các cơ sở GDĐH cũng nhận thức rằng, đại dịch Covid-19 đã và đang tạo ra cơ hội đặc biệt quan trọng để thay đổi cả tư duy và hành động đối với việc chuyển sang GD trực tuyến. Trước đại dịch cũng đã có nhiều nghiên cứu, hội thảo, trao đổi, tranh luận về vai trò và lợi ích của GD từ xa và mở (open and distance learning), GD trực tuyến (online learning) nhưng tính bảo thủ vốn có của GD đã níu kéo các cơ sở GDĐH với GD trực tiếp, mặt đối mặt. Bước chuyển tình thế và đột ngột sang GD trực tuyến gây ra bởi Covid-19 đã tạo điều kiện để nhà trường, giảng viên và SV trải nghiệm một loạt cơ hội mới, bao gồm: 1/ Việc dạy và học linh hoạt đáp ứng các yêu cầu khác nhau của người học; 2/ Việc dạy và học đổi mới sáng tạo với nhiều phương thức như học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (blended learning), phối hợp cách học đồng bộ (synchronous learning) với cách học không

Bảng 1: Tác động của Covid-19 lên dạy và học trong các cơ sở GDĐH

	Không bị tác động	Chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến	Tạm dừng giảng dạy để chờ nhà trường chuẩn bị chuyển sang dạy và học trực tuyến	Đóng cửa trường, chấm dứt dạy và học
Châu Âu	0%	85%	12%	3%
Châu Mỹ	3%	72%	22%	3%
Châu Á - Thái Bình Dương	1%	60%	36%	3%
Châu Phi	3%	29%	43%	24%
Toàn cầu	2%	67%	24%	7%

đồng bộ (asynchronous learning); 3/ Hiện thực hóa học tập suốt đời; 4/ Số hóa công tác quản trị và quản lý.

2.1.3. Tác động ngắn hạn lên bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Việc chuyển đổi, dù mang tính tình thế của GDDH sang đào tạo trực tuyến kéo theo những chuyển đổi tương ứng của quá trình đào tạo, từ việc biên soạn giáo trình, thiết kế bài giảng, cách dạy, cách học, cách đánh giá, đến việc quản lý người dạy, người học... Dĩ nhiên, việc BĐ&KĐCL cũng phải có những chuyển đổi tương ứng.

Vấn đề đặt ra là, hệ thống BĐ&KĐCL phải có sự điều chỉnh như thế nào để thích ứng với bối cảnh mới. Điều này có liên quan trước hết đến BĐCL bên ngoài và các tổ chức BĐCL. Một khảo sát trong tháng 7 năm 2020 của Mạng Chất lượng Châu Á - TBD (APQN), với phiếu hỏi được gửi tới 62 tổ chức BĐCL Châu Âu và 71 tổ chức BĐCL Châu Á cho thấy một bức tranh như sau [4]:

- Trong xu thế chung chuyển sang trực tuyến, các tổ chức BĐCL cũng không phải là ngoại lệ. Khoảng 63% chuyển sang làm việc trực tuyến, 14% tiếp tục làm việc tại văn phòng, 17% đang tìm phương án, còn lại 6% tạm dừng các hoạt động.

- Khi làm việc trực tuyến, có rất nhiều thách thức nảy sinh: 1/ Khoảng 41% ý kiến cho rằng, khó mà bảo đảm chất lượng GD khi việc đánh giá ngoài được thực hiện từ xa; 2/ Cũng khoảng chừng đó ý kiến cho thấy, việc giao tiếp giữa các kiểm định viên trở nên khó khăn; 3/ 21% ý kiến cho biết, các tổ chức BĐCL chưa có các công cụ thiết yếu cho việc đánh giá ngoài từ xa; 4/ 19% ý kiến chỉ ra rằng, vẫn chưa có chính sách và chỉ dẫn cần thiết cho việc đánh giá ngoài từ xa. Ngoài ra, còn phải kể đến các thách thức khác như hạ tầng ICT, khả năng tiếp cận và sử dụng các công cụ ICT, sự tham gia của các bên có liên quan, tình trạng mắc bệnh của các đồng nghiệp, bản thân các cơ sở GDDH chưa thể tiến hành tự đánh giá.

- Về cách thức tiến hành đánh giá ngoài, có khoảng 38% tổ chức BĐCL tạm dừng việc đánh giá ngoài, trong khi đó có khoảng 25% tiến hành đánh giá ngoài từ xa. Một số tổ chức khác (khoảng 9%) vẫn triển khai việc thăm trường với việc đảm bảo các điều kiện an toàn cần thiết, cũng chừng ấy tổ chức BĐCL lại chọn cách thức lùi việc thăm trường đến một thời điểm thích hợp.

- Để tiến hành đánh giá ngoài từ xa, công cụ thường được sử dụng bao gồm: Thăm trường ảo, trao đổi trực tuyến giữa các kiểm định viên; Hội thảo/hội nghị trực tuyến; trao đổi email; đánh giá tư liệu; Liên lạc điện thoại.

- Các biện pháp sử dụng để đối phó với dịch bệnh gồm hủy các hoạt động không cần thiết, hoãn các chuyến công tác, thực hiện các giải pháp vệ sinh an toàn (khẩu trang, khử khuẩn), cung cấp máy tính làm việc tại nhà.

- Về vấn đề liệu quyết định KĐCL có giá trị không khi việc đánh giá ngoài được tiến hành từ xa, nhìn chung các

tổ chức BĐCL cho rằng, có giá trị (41%) hoặc có giá trị hạn chế (31%). Khoảng 5% ý kiến cho rằng, không có giá trị, còn lại là không có ý kiến.

- Về giải pháp trong trường hợp đại dịch Covid-19 kéo dài, các tổ chức BĐCL cho biết có giải pháp ngắn hạn (3 tháng), trung hạn (6 tháng), dài hạn (trên 6 tháng) để triển khai công việc. Thậm chí, có tổ chức BĐCL xây dựng giải pháp theo tuần căn cứ vào các chỉ đạo và quyết định của chính phủ.

- Về tài chính, cần chú ý rằng, phần lớn các tổ chức BĐCL Châu Âu (73,5%) được cấp ngân sách nhà nước, trong khi đó phần lớn các tổ chức BĐCL Châu Á (67,7%) phải tự bảo đảm mọi khoản chi. Vì vậy, tác động về mặt tài chính lên các tổ chức BĐCL là khác nhau: phần lớn các tổ chức Châu Âu có nguồn thu ổn định, còn phần lớn các tổ chức Châu Á có nguồn thu giảm sút.

Nhìn chung, các tổ chức BĐCL cũng như các cơ sở GDDH đều đang tìm cách chủ động ứng phó với các thách thức do Covid-19 gây ra. Việc chuyển sang KĐCL trực tuyến là giải pháp chính nhưng không phải phổ biến vì vấp phải rất nhiều thách thức về kĩ thuật và năng lực, trong đó thách thức lớn nhất là *chưa có gì bảo đảm rằng việc KĐCL từ xa là có chất lượng*. Điều quan trọng là, những tổ chức BĐCL tiên phong trong KĐCL từ xa sẽ có những trải nghiệm thực tế để có thể đem lại những thay đổi quan trọng trong lĩnh vực BĐCL, không phải chỉ trong bối cảnh đại dịch hiện nay mà ngay cả trong tương lai.

2.2. Giáo dục đại học và bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn hậu Covid-19

Các khảo sát hiện nay mới chỉ cho thấy bức tranh ngắn hạn của GDDH. Khó mà nói chính xác về GDDH trong trung hạn và dài hạn sẽ như thế nào bởi đại dịch vẫn đang diễn biến phức tạp với nhiều khác biệt từ nước này sang nước khác, thậm chí từ lúc này sang lúc khác trong cùng một nước. Vì thế, trên toàn thế giới, cách nhìn nhận về hoạt động sắp tới của các cơ sở GDDH rất khác nhau. Có người cho rằng, nhà trường sẽ quay về trạng thái bình thường trong vài tháng tới; Có người lo phải mất tới một năm hoặc hơn thế nữa, chừng nào chưa có vaccine Covid-19; Đặc biệt, có khá nhiều người tin rằng, GDDH hậu Covid sẽ là một GDDH khác trước rất nhiều bởi chính đại dịch đã giúp GDDH nhận ra những điểm yếu của nó trong cách thức tổ chức và hoạt động như hiện nay.

Các khảo sát gần đây trên phạm vi toàn cầu của các tổ chức quốc tế uy tín như APQN [5], IAU [6], Pearson [7], QS [8] cho thấy những xu thế góp phần định hình GDDH hậu Covid-19 như sau:

Một là, đào tạo trực tuyến tuy sẽ không thay thế đào tạo trực tiếp nhưng sẽ được đề cao và ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đổi mới các phương thức dạy và học. Theo khảo sát của Pearson [7] thì hơn 3/4 người

học trên khắp thế giới đồng ý rằng, nền GD sẽ thay đổi cơ bản vì đại dịch và 86% người được hỏi ở Anh tin rằng, học trực tuyến sẽ là một phần của trải nghiệm GDDH trong tương lai.

Hai là, để chuyển đổi GD theo kịp yêu cầu trong khi vẫn phải BĐCL thì các nhà cung ứng GDDH cần phải thích ứng nhanh hơn với nhu cầu của SV ngày nay, *đặc biệt là nhu cầu học tập suốt đời*. Theo đó, cần chú ý rằng, quan niệm về giá trị của văn bằng đại học đang thay đổi. Trong khi người dân ở các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Braxin vẫn coi văn bằng GDDH là con đường chính để thành công trong cuộc sống thì ở các nước như Anh, Mĩ, đa số người được hỏi (60%) cho rằng, có thể thành công mà không cần văn bằng. Cái họ cần là một bộ hồ sơ không ngừng cập nhật về kĩ năng. Dân cư GDDH cũng đang ngày càng có nhiều người học lớn tuổi, những người đang thất nghiệp và những người muốn cập nhật, nâng cao kiến thức kĩ năng. Vì thế, các chương trình đào tạo phải được tái cơ cấu để bao gồm nhiều hơn các khóa học ngắn hạn, chi phí thấp, cùng hệ thống chứng chỉ phù hợp với các nhu cầu về kĩ năng của người học.

Ba là, rất nhiều thông lệ cũ, cách làm cũ của nhà trường sẽ không còn nữa. Chẳng hạn ở Mĩ, các thực tế sau đây đang dần được xem xét thay đổi: các bài giảng trên lớp truyền thống, các giờ giảng viên phải có mặt tại phòng làm việc, các chuyến thăm trường, các kế hoạch năm học cứng nhắc, các buổi họp mặt đối mặt, các hội thảo trong hội trường. Trong bối cảnh thay đổi đó, việc phát triển đội ngũ nhà trường phải hướng đến việc xây dựng các năng lực mới để cán bộ quản lí, giảng viên, nghiên cứu viên, SV có được những kĩ năng số, làm chủ được công nghệ, bảo đảm an toàn và an ninh mạng trong các hoạt động của mình.

Bốn là, nguồn thu của các cơ sở GDDH sẽ giảm sút do việc cắt giảm ngân sách cho GDDH và do số lượng tuyển sinh có nhiều khả năng giảm. Đặc biệt, đối với các cơ sở GDDH vốn có nguồn thu dựa nhiều vào SV quốc tế thì khó khăn về tài chính trong thời gian tới là đáng lo ngại do sự lưu chuyển của SV và giảng viên quốc tế sẽ giảm sút đáng kể do tác động tiêu cực của cả đại dịch lẫn các xung đột địa chính trị. Vì thế, các cơ sở GDDH sẽ phải đổi mới quản trị, tái cơ cấu các nguồn thu để hoạt động hiệu quả, minh bạch.

Năm là, mô hình ba nhà (triple helix) về mối quan hệ giữa nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp sẽ được tăng cường để việc giảng dạy và NCKH tập trung nhiều hơn vào việc giải quyết các vấn đề thực tế trong một thế giới thay đổi nhanh chóng.

Như thế, đại dịch Covid-19 đã giúp các cơ sở GDDH nhận dạng được những điểm yếu của mình để thay đổi. Nhưng chính trong đại dịch, trước sự chủ động ủng hộ của các cơ sở GDDH mà người dân ở các nước đều tỏ niềm tin vào hệ thống GD nước mình cùng chất lượng của nó. Đại dịch Covid-19 chắc chắn tiếp tục đặt ra

những thách thức to lớn đối với lĩnh vực GDDH, nhưng khảo sát của Pearson [7] cho thấy người học lạc quan về việc học trực tuyến và vai trò của nó trong tương lai. Nói cho đúng, Covid-19 chính là *cú hích để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của GDDH* mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN4) đã chỉ ra từ cách đây vài năm.

Chuyển đổi số trong GDDH là quá trình vận dụng công nghệ số vào việc đổi mới mọi khía cạnh trong tổ chức và hoạt động của GDDH. Quá trình này đã diễn ra từ khi bước sang thế kỉ XXI do sự bùng nổ của internet nhưng chỉ trở thành một xu thế toàn cầu khi thế giới bước vào cuộc CMCN4. Đây là quá trình trong đó công nghệ GD edtech trở thành phương tiện để GDDH bước sang giai đoạn phát triển mới thường được gọi là GDDH 4.0.

Quá trình này đang diễn ra chậm chạp với nhiều rào cản. Khảo sát của IAU [9] trên phạm vi toàn cầu đã chỉ ra các rào cản với mức độ khác nhau ở cấp hệ thống (hạ tầng kĩ thuật, pháp luật GDDH, chính sách nhà nước), cấp trường (quản trị, đào tạo, tài chính, việc chuyển sang GD mở, khoa học mở, học tập suốt đời, năng lực đội ngũ), cấp nhận thức (không tin vào sự cần thiết của chuyển đổi số, lo ngại về tác động tiêu cực của chuyển đổi số, ngại thay đổi). Vì thế, các hệ thống GDDH trên thế giới cũng như các cơ sở GDDH trong từng quốc gia đều đang ở những vị trí khác nhau trong hành trình chuyển đổi số. Mĩ hiện là nước dẫn đầu trong hành trình này với việc *triển khai Kế hoạch công nghệ GD quốc gia từ năm 2010*, khởi xướng và phát triển các tài nguyên GD mở OER, các khóa học trực tuyến mở đại chúng MOOC và trong năm 2020 đang vận dụng vào trong dạy và học các thành tựu của CMCN4 như internet vạn vật, chuỗi khối, trí tuệ nhận tạo, dữ liệu lớn, thực tế tăng cường.

Với việc chuyển đổi số hiện đang tập trung chủ yếu vào việc số hóa tiến trình dạy và học ở mọi khâu, từ việc xác định chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình, biên soạn giáo trình đến việc tổ chức dạy, học và đánh giá thì vấn đề được đặt ra là *công tác BĐ&KĐCL GDDH phải có sự chuyển đổi tương ứng như thế nào*. Đã có rất nhiều nghiên cứu nhằm trả lời vấn đề này [10], [11], [12], [13]. Các nghiên cứu này đưa ra các nhận định và khuyến nghị sau đây:

- Chất lượng trong GD trực tuyến cũng phức tạp như bản thân lĩnh vực GD trực tuyến với những thành phần mới như OER, MOOC, cùng những tiến bộ công nghệ không ngừng đổi mới.

- Dù là đào tạo trực tuyến hay trực tiếp thì các chuẩn chất lượng là một. Các mô hình BĐ&KĐCL GDDH hiện có vẫn có thể vận dụng được cho GD trực tuyến.

- Không cần xây dựng mô hình BĐ&KĐCL mới cho riêng GD trực tuyến nhưng cần điều chỉnh công tác BĐ&KĐCL trong GD trực tuyến sao cho các yêu cầu sau đây được đáp ứng: 1/ Đa diện, tức là đề cập đến mọi yếu tố có liên quan, bao gồm tầm nhìn, chiến lược, chính

sách, nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật, chương trình, giáo trình, giảng viên, kết quả đầu ra ...; 2/ Năng động, tức là phải linh hoạt để có thể thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ; 3/ Lồng ghép, tức là phải được thâm thấu dần trong nhận thức và hoạt động hàng ngày của mọi thành viên nhà trường; 4/ Đại diện, tức là phải tạo được sự cân bằng trong việc đáp ứng các yêu cầu khác nhau về chất lượng của các bên có liên quan; 5/ Đa năng, tức là hướng tới nhiều mục tiêu, thông thường là ba mục tiêu sau: tạo thương hiệu cho nhà trường, thiết lập lộ trình cải tiến chất lượng, từng bước xây dựng văn hóa chất lượng.

- Cần lồng ghép các chuẩn và chỉ dẫn về BĐCL GD trực tuyến vào trong hệ thống BĐ&KĐCL truyền thống, một mặt đề cao các nguyên tắc chung, mặt khác tạo mức độ tự chủ cần thiết để cộng đồng GDĐH cùng tham gia xây dựng khung BĐCL GD trực tuyến với những quy định mà các cơ sở GDĐH đều đồng thuận để dựa vào đó phát triển hệ thống BĐCL bên trong phù hợp với các mục tiêu và điều kiện cụ thể của từng cơ sở.

Đóng góp thiết thực nhất cho đến nay trong lĩnh vực này là Báo cáo của tổ công tác về BĐCL và E-learning thuộc Hiệp hội BĐCL Châu Âu ENQA [14]. Theo báo cáo này, trong phạm vi Châu Âu, tính đến năm 2014, có 91% cơ sở GDĐH được khảo sát đã tích hợp E-learning vào việc giảng dạy của họ dưới hình thức đào tạo từ xa, học tập xen kẽ (blended learning), học tập theo vấn đề, bài giảng, học tập dựa trên công việc hay mô phỏng. Trong khi đó, việc BĐCL của phương thức đào tạo này còn ít được quan tâm, đặc biệt đối với BĐCL bên ngoài khi mà chỉ có 23% tổ chức BĐCL quốc gia có sự quan tâm chuyên biệt đến E-learning. Vì thế, ENQA đã thành lập tổ công tác để nghiên cứu về BĐCL và E-learning từ năm 2016 để đưa ra những đề xuất vào năm 2018 về cách vận dụng các chuẩn và chỉ dẫn BĐCL Châu Âu ESG 2015 vào thực tế GD trực tuyến. Quan điểm cơ bản của các đề xuất này là từng chuẩn trong ESG 2015 vẫn có thể hoàn toàn áp dụng cho E-learning nhưng cần có thêm chỉ dẫn cụ thể để vận dụng một cách phù hợp vào E-learning. Với quan điểm như vậy, trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của các bên có liên quan và bài học kinh nghiệm từ thực tế BĐCL GD trực tuyến, Báo cáo đã đưa ra các chỉ dẫn cụ thể trong việc vận dụng cả 10 chuẩn của BĐCL bên trong và 7 chuẩn của BĐCL bên ngoài đối với E-learning. Đó là các chỉ dẫn thiết thực để các tổ chức BĐCL và các cơ sở GDĐH vận dụng trong việc BĐ&KĐCL GD trực tuyến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình và bối cảnh thực tế.

Cho đến trước đại dịch, những chỉ dẫn và khuyến nghị từ các nghiên cứu trên vẫn chưa phát huy tác dụng bởi lẽ cả các cơ sở GDĐH lẫn các tổ chức BĐCL vẫn chưa sẵn sàng cho GD trực tuyến. Nhưng GD trong đại dịch và GD hậu đại dịch đã thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số. Theo thông báo mới đây của ENQA [15] về BĐCL

bên ngoài trong thời Covid-19 thì có thể BĐCL chưa hẳn là mối quan tâm hàng đầu trong đại dịch này nhưng nó không thể nằm yên: Các tổ chức BĐCL cần tiếp tục vai trò quan trọng của mình trong việc hỗ trợ các cơ sở GDĐH để đảm bảo rằng, việc cung cấp GD của họ phù hợp với mục tiêu và đáp ứng nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

2.3. Thực tế Việt Nam và vấn đề đặt ra

Việt Nam là một trong số ít nước đã thành công trong việc ứng phó với đại dịch. Ngày 23 tháng 01 năm 2020, đánh dấu ngày đầu tiên Việt Nam phát hiện ca bệnh Covid-19 đầu tiên và cuộc chiến chống Covid-19 chính thức bắt đầu. Đến nay, cuộc chiến này có thể chia thành hai giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn 1, trong 100 ngày đầu tiên, Việt Nam đã tập trung ngăn chặn thành công các ca bệnh xâm nhập từ nước ngoài với nhiều giải pháp quyết liệt như cách li toàn bộ xã Sơn Lôi, tạm ngừng nhập cảnh khách nước ngoài, phong tỏa Bệnh viện Bạch Mai, cách li toàn xã hội trên phạm vi cả nước trong vòng 15 ngày từ 0h ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Giai đoạn 2, từ ngày 23 tháng 4 năm 2020 đến nay, cả nước cơ bản dừng cách li xã hội, tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa đẩy lùi dịch bệnh vừa phát triển kinh tế - xã hội, trong bối cảnh dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Việt Nam khi có thêm nhiều ca nhiễm lây lan trong cộng đồng tại một số địa phương như Đà Nẵng, Quảng Nam, Hải Dương. Biện pháp phong tỏa được thực hiện tại các tâm dịch, dịch bệnh được kiểm soát và đến ngày 30 tháng 9, Việt Nam đã có 28 ngày không ghi nhận ca mắc trong cộng đồng. Các chuyên bay thương mại quốc tế được chính thức nối lại, đồng thời các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong tình hình mới được siết chặt nhằm ngăn ngừa không cho dịch bệnh tấn công, bảo vệ vững chắc thành quả mà cả nước đã nỗ lực giành được, tiếp tục phát triển kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh đó, các tác động tiêu cực của Covid-19 lên GD Việt Nam nói chung, GDĐH nói riêng cũng được giảm thiểu so với tình hình chung trên thế giới. Ngoài ra, phải kể đến sự ứng phó kịp thời của Bộ GD&ĐT trong việc nhanh chóng điều chỉnh kế hoạch năm học và tinh giản nội dung chương trình giảng dạy để thích ứng với tình hình mới. Dạy học trực tuyến, đặc biệt là dạy học truyền hình, được triển khai trên cả nước để việc học của mọi học sinh, SV không bị đứt quãng.

Riêng về GDĐH, tính đến ngày 13 tháng 4 năm 2020, khoảng một nửa các cơ sở GDĐH Việt Nam đã chuyển sang đào tạo trực tuyến. Trong đó, gồm 63 trường công lập (khoảng 43% tổng số trường công lập), 42 trường ngoài công lập (khoảng 70% tổng số trường ngoài công lập) và 5 trường có vốn đầu tư nước ngoài (100% trường

có vốn nước ngoài). Ngoài ra, 33 trường khối an ninh - quốc phòng đều học tập trung, không đào tạo trực tuyến. Xét về tổng thể, trên toàn quốc có 45% cơ sở GDĐH thực hiện đào tạo trực tuyến, 42% chưa thực hiện và 13% vẫn đào tạo tập trung (khối an ninh quốc phòng). So sánh với các nước khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, trong đó 60% chuyển sang đào tạo trực tuyến, 1% vẫn đào tạo tập trung, có thể rút ra hai nhận định như sau: 1/ Khả năng chuyển sang đào tạo trực tuyến của Việt Nam còn hạn chế; 2/ Tác động tiêu cực của Covid-19 lên GDĐH Việt Nam được giảm thiểu.

Do sự giảm thiểu về mặt tác động của Covid-19 nên công tác BĐ&KĐCL GDĐH về cơ bản vẫn khá ổn định. Căn cứ theo số liệu thống kê của Cục Quản lý chất lượng, cập nhật đến ngày 31 tháng 8 năm 2020, có thể thấy hoạt động của các trung tâm KĐCL trong 8 tháng đầu năm 2020 của đại dịch Covid-19 vẫn đạt được những kết quả như sau (xem Bảng 2):

Như vậy, so với hiện trạng hoạt động BĐ&KĐCL GDĐH trên thế giới, trong đó chỉ có khoảng 9% tổ chức KĐCL vẫn triển khai việc thăm trường với việc đảm bảo các điều kiện an toàn cần thiết, còn lại đều phải hoãn KĐCL hoặc tổ chức đánh giá ngoài từ xa, thì ở Việt Nam 100% các tổ chức KĐCL vẫn tiến hành quy trình đánh giá ngoài theo quy định, trong đó việc thăm trường vẫn được thực hiện bình thường và an toàn.

Đĩ nhiên, việc này chủ yếu là do Việt Nam đã không chế tốt dịch bệnh, thời gian giãn cách xã hội ngắn và việc các trường học phải đóng cửa cũng không kéo dài. Dù sao vẫn có vấn đề đặt ra là trong bối cảnh hệ thống BĐ&KĐCL GDĐH thế giới đang có sự chuyển đổi trong và sau Covid-19, liệu hệ thống BĐ&KĐCL GDĐH Việt Nam có cần sự điều chỉnh cần thiết nào không. Câu trả lời phụ thuộc rất nhiều vào thực tế chuyển đổi số của GDĐH Việt Nam.

Theo Quyết định 749 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 thì *GD là một trong các*

lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số. Một số chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 là 100% các cơ sở GD triển khai công tác dạy và học từ xa, thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, SV học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, cung cấp các MOOC cho tất cả người dân để nâng cao khả năng tiếp cận GD nhờ công nghệ số, phổ cập việc thi trực tuyến, công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến.

Hiển nhiên, định hướng chuyển đổi số nêu trên của GD Việt Nam là một bước tiến trong việc cụ thể hóa chủ trương đổi mới hệ thống GD theo hướng mở đã được quy định trong Nghị quyết 29 và thể chế hóa trong Luật GD 2019. Tuy nhiên, đó cũng là thách thức lớn bởi lẽ hiện trạng GD Việt Nam trong phát triển GD trực tuyến, GD mở còn nhiều yếu kém, bất cập. Đào tạo trực tuyến trong GDĐH nước ta đã có lúc phát triển rầm rộ, đạt quy mô 16 vạn SV vào năm 2012 nhưng rồi sụt giảm chỉ còn 7 vạn SV vào năm 2018 do rất nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là sự thiếu chuẩn mực của hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ, năng lực đội ngũ. Việt Nam đã sớm tham gia phong trào GD mở từ năm 2005 với việc triển khai Dự án Học liệu mở Việt Nam (Vietnam OpenCourseWare, VOCW) nhưng về hiện trạng thì Việt Nam lại đang tụt hậu và ngày càng bị các nước trong khu vực bỏ xa (Về MOOC, trong phạm vi các nước ASEAN, Singapore dùng nền tảng MOOC của nước ngoài như Coursera để cung cấp các MOOC; Malaysia có nền tảng OpenLearning, Philippines có MODeL, Indonesia có IndonesiaX và mới đây Thái Lan đã có ThaiMOOC. Điều đáng nói là ở nước ta, chưa có nền tảng MOOC nào).

Nguyên nhân cơ bản của hiện trạng trên là do từ chủ trương đến chính sách và tổ chức thực hiện trong GD nước ta luôn có khoảng cách lớn. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho GDĐH trong giai đoạn hậu Covid là phải cụ thể hóa chủ trương và định hướng nói trên thành *Kế hoạch chuyển đổi số quốc gia trong GDĐH* với những mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp, nguồn lực, lộ trình cùng cơ chế giám sát và đánh giá cụ thể. Kế hoạch này phải được lồng ghép

Bảng 2: Kết quả KĐCL GDĐH Việt Nam 8 tháng đầu năm 2020

TT	Trung tâm KĐCL	Cơ sở GDĐH		Chương trình đào tạo	
		Số cơ sở được KĐCL và công nhận	Số cơ sở đã hoàn thành tự đánh giá và được KĐCL	Số chương trình được KĐCL và công nhận	Số chương trình hoàn thành tự đánh giá và được KĐCL
1	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Quốc gia Hà Nội	4		35	
2	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh			6	1
3	Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	2	2	10	7
4	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	3	2		3
5	Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	2	1		3

trong việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển GD nói chung, GDDH nói riêng với những hạng mục nhất thiết phải được cụ thể hóa, bao gồm hạ tầng số, nền tảng số quản trị, giảng dạy, học tập, đánh giá, BĐ&KĐCL.

Riêng về BĐ&KĐCL, cần nhận thức rằng, hệ thống BĐ&KĐCL GDDH của Việt Nam mới ở *chặng đường đầu tiên của tiến trình xây dựng và phát triển*. Trong tương quan so sánh với các nước trong khu vực, nếu các nước Brunei, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Singapore đã có hệ thống BĐ&KĐCL vững vàng thì Việt Nam cùng với Lào và Campuchia mới có hệ thống đang phát triển [16]. Tiến trình xây dựng hệ thống BĐ&KĐCL của Việt Nam trong hơn 15 năm qua là tiến trình học hỏi, thử nghiệm và không ngừng điều chỉnh với những giải pháp mang tính tình thế về chính sách, quy định, quy trình, tổ chức và cách thực hiện. Hiện nay, tuy Việt Nam đã có những quy định pháp lý về BĐCL bên ngoài, BĐCL bên trong và về tổ chức KĐCL nhưng về cơ bản đó là những quy định được vay mượn từ các tài liệu hướng dẫn của tổ chức BĐCL ASEAN là AUN-QA. Nghĩa là, *Việt Nam vẫn chưa có một khung BĐCL quốc gia* để có một tầm nhìn nhất quán và một tiếp cận tổng thể trong xây dựng và phát triển hệ thống BĐ&KĐCL phù hợp với bối cảnh cụ thể của đất nước, năng động và linh hoạt để có thể đáp ứng với những yêu cầu đa dạng của một hệ thống GDDH không ngừng đổi mới.

Vì vậy, vấn đề đặt ra cho BĐ&KĐCL GDDH Việt Nam giai đoạn hậu Covid-19 khi mà chuyển đổi số trong GDDH được đẩy mạnh là *xây dựng và ban hành Khung BĐCL quốc gia*. Về vấn đề này, điều đáng quan tâm là trong phạm vi ASEAN, Mạng lưới BĐCL ASEAN đã ban hành Khung BĐCL ASEAN với tư cách là một hệ tham chiếu về BĐCL thích ứng với mọi bối cảnh khác nhau về chính trị, pháp lý và văn hóa để các quốc gia thành viên tham khảo. Đặc điểm cơ bản của khung này là ngoài các bộ nguyên tắc áp dụng đối với BĐCL bên trong, BĐCL bên ngoài và các tổ chức BĐCL, còn có riêng bộ nguyên tắc về Khung trình độ quốc gia (KTĐQG) nhằm định hướng cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện KTĐQG trong mối quan hệ với việc xây dựng các chuẩn và quy trình BĐCL. Ở đây, vai trò của KTĐQG là để bảo đảm rằng, GD dù được cung ứng theo phương thức nào - trực tiếp hay trực tuyến, chính quy hay không chính quy - đều được công nhận về chất lượng nếu đạt các chuẩn đầu ra theo quy định. Nhờ vậy, Khung BĐCL ASEAN đã chuẩn bị các nguyên tắc cần thiết để việc BĐ&KĐCL GD trực tuyến được lồng ghép trong hệ thống BĐ&KĐCL chung.

Do đó, việc xây dựng Khung BĐCL quốc gia của Việt Nam cần tham khảo và vận dụng Khung BĐCL ASEAN vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Dĩ nhiên, việc tham khảo các chỉ dẫn quốc tế về BĐ&KĐCL GD trực tuyến là cần thiết, đặc biệt là các chỉ dẫn về việc vận dụng bộ chuẩn ESG 2015 trong E-learning.

3. Kết luận

Đại dịch Covid-19 đã và đang buộc GD nói chung, GDDH nói riêng chuyển nhanh sang giai đoạn phát triển mới với *hai đặc trưng cơ bản là mở và suốt đời*. GD trực tuyến sẽ trở thành một thành phần quan trọng của trải nghiệm GD hậu Covid. Nếu trước đây, theo khảo sát của ILO, chỉ có khoảng 16% cơ sở GD đưa GD trực tuyến vào dạy và học thì trong đại dịch, GD trực tuyến đã được vận hành trong quá nửa các cơ sở GD trên thế giới [17]. Cách ứng phó mang tính tình thế này đã mở ra cơ hội để từ các nhà hoạch định chính sách đến nhà giáo, người học, phụ huynh tin rằng việc chuyển đổi số trong GDDH là tất yếu và cần phải đẩy nhanh.

Việt Nam đã tận dụng tốt cơ hội này. Theo Báo cáo của Bộ GD&ĐT: “Qua hơn 4 tháng triển khai dạy học từ xa phòng chống dịch bệnh Covid-19, các cơ sở GD đã tổ chức tốt việc dạy học qua internet, trên truyền hình cho tất cả đối tượng học sinh, đảm bảo mọi học sinh đều được học... Đánh giá chung, đào tạo trực tuyến đã góp phần giúp hầu hết các địa phương kết thúc năm học trước ngày 15 tháng 7 năm 2020, chất lượng GD được đảm bảo, rút ngắn thời gian thực dạy khi học sinh trở lại trường học đồng thời tăng cường sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc GD học sinh” [18]. Bộ GD&ĐT nhận định đại dịch Covid-19 đã tạo ra cơ hội để thúc đẩy chuyển đổi số trong GD và cho biết sẽ tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho đào tạo trực tuyến, trong đó có việc xem xét đưa đào tạo trực tuyến vào quy chế đào tạo đại học sửa đổi với một tỉ lệ phần trăm phù hợp trong chương trình học, đồng thời sớm ban hành quy chế BĐCL các chương trình đào tạo từ xa. Những dự kiến này nằm trong khuôn khổ của một định hướng quan trọng hơn về chuyển đổi số ngành GD được quy định trong Quyết định 749 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, từ thực tế chuyển đổi số đầy thách thức trong GDDH thế giới và cùng với đó là yêu cầu hoàn thiện hệ thống BĐ&KĐCL. Bài viết này cho rằng, để định hướng trên không dừng lại trên văn bản, cần giải quyết tốt hai vấn đề sau đây:

Một là, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số quốc gia trong GDDH với những mục tiêu, giải pháp và lộ trình cụ thể cho những lĩnh vực trọng yếu, bao gồm quản trị, giảng dạy, học tập, đánh giá, BĐ&KĐCL, hạ tầng kỹ thuật.

Hai là, vận dụng khung BĐCL ASEAN để xây dựng Khung BĐCL quốc gia với các chuẩn và chỉ dẫn cần thiết, phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội của đất nước cho bốn thành phần, bao gồm BĐCL bên trong, BĐCL bên ngoài, tổ chức BĐCL và KTĐQG. Căn cứ vào khung này, từng cơ sở GDDH sẽ bổ sung, hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong của mình để bảo đảm rằng GD trực tuyến được cung ứng có chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- [1] UNIDO, (2020), *Quality and standards and their role in responding to Covid-19*, <https://www.unido.org/sites/default/files/files/2020-04/Quality%20and%20Standards%20and%20their%20Role%20in%20Responding%20to%20COVID-19.pdf>
- [2] World Bank, (2020), *The COVID-19 Crisis Response: Supporting tertiary education for continuity, adaptation, and innovation*.
- [3] IAU, (2020), *The impact of Covid-19 on higher education around the world*, Paris: International Association of Universities (IAU)
- [4] APQN, (2020), *APQN Survey on the Influence of COVID-19 on Quality Assurance Agencies*, Final Report.
- [5] APQN, (2020), *APQN Survey Research on the COVID-19 Impact in Higher Education Institutions (HEIs)*, Final Report.
- [6] IAU, (2020), *Regional and National Perspectives on the Impact of COVID-19 on Higher Education*, Paris: International Association of Universities (IAU).
- [7] Pearson, (2020), *The Global Learner Survey, August 2020*, go.pearson.com/global-learner-survey.
- [8] QS, (2020), *How Universities are Addressing the Coronavirus Crisis and Moving Forward*, <https://www.qs.com/portfolio-items/how-universities-addressing-coronavirus-crisis-moving-forward-report/>
- [9] Jensen, T, (2020), *Higher education in the digital era. The current state of transformation around the world*, Paris: International Association of Universities (IAU).
- [10] Butcher, N. & Wilson-Strydom, M, (2013), *A Guide to Quality in Online Learning*, Dallas, Texas: Academic Partnerships.
- [11] Latchem, C, (2016), *Open and Distance Learning Quality Assurance in Commonwealth Universities*, Burnaby, British Columbia: COMMONWEALTH OF LEARNING
- [12] Ossiannilsson E, Williams K, Camilleri A & Brown M, (2015), *Quality models in online and open education around the globe. State of the art and recommendations*, Oslo: International Council for Open and Distance Education (ICDE).
- [13] Uvalic'-Trumbic', S., & Daniel, J, (2014), *A guide to quality in post-traditional online higher education*. Dallas, Texas: Academic Partnerships.
- [14] Huertas, E. và cộng sự, (2018), *Considerations for quality assurance of E-learning provision*, Brussels, Belgium: European Association for Quality Assurance in Higher Education
- [15] ENQA, (2020), *External quality assurance in the time of COVID-19*, https://enqa.eu/wp-content/uploads/2020/05/Article_COVID-19-impact-on-agencies.pdf
- [16] SHARE, (2016), *State of Affairs and Development Needs. Higher Education Quality Assurance in the ASEAN Region*, Jakarta: SHARE Project Management Office
- [17] European Training Foundation, (2020), *Mapping COVID-19: The overview*, <https://www.etf.europa.eu/en/news-and-events/news/mapping-Covid-19-overview>
- [18] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Thông tin Giáo dục và Đào tạo*, quý II/2020. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tt-gddt-hang-quy.aspx?ItemID=6819>

QUALITY ASSURANCE AND ACCREDITATION IN THE CONTEXT OF THE COVID-19 PANDEMIC: IMPACTS AND ISSUES

Pham Do Nhat Tien

National Academy of Education Management
31 Phan Dinh Giot, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam
Email: phamdnhtien26@gmail.com

ABSTRACT: *The Covid-19 pandemic has caused fundamental changes fundamentally in the global higher education landscape. Online education is used by most higher education institutions in the world as an ad hoc measure to keep learning uninterrupted, but opens up opportunities to promote the digital transformation process in higher education. That leads to the requirements related to necessary adjustments in quality assurance and accreditation. Although the negative impacts of Covid-19 on higher education is greatly reduced compared to the world, Vietnam is no exception. On the basis of an overview analysis of the impacts of the pandemic on higher education institutions as well as quality assurance and accreditation systems, this article proposed the development of the National digital transformation plan in higher education and the National quality assurance framework to serve as the basis for the realization of digital transformation in Vietnamese higher education.*

KEYWORDS: Covid-19; online education; digital transformation; higher education; quality assurance and accreditation.